

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠNH AN GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠNH AN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108817534

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 204-2, tờ bản đồ số 4, tổ 16, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917161730

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                       | 0810        |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                       | 1010        |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản               | 1020        |
| 4.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                          | 1030        |
| 5.  | In ấn                                                                 | 1811        |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                              | 1812        |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101(Chính) |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229        |
| 15. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291        |
| 16. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292        |
| 17. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293        |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 19. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                   | 4330 |
| 25. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                              | 4511 |
| 26. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                      | 4512 |
| 27. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá)                                                                                                               | 4513 |
| 28. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                     | 4661 |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)                                                                             | 4662 |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                          | 4663 |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                              | 4931 |
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                 | 4932 |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                   | 4933 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                      | 5210 |
| 35. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                 | 5224 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                          | 5225 |
| 37. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                        | 5510 |
| 38. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                 | 5610 |
| 39. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                         | 5621 |
| 40. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                             | 5629 |
| 41. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                          | 5630 |
| 42. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                            | 6810 |
| 43. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất                                  | 6820 |
| 44. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ;<br>Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác | 7110 |
| 45. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                   | 7120 |
| 46. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                           | 7710 |
| 47. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                            | 8211 |
| 48. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                         | 8219 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN KHÁNH TRỌNG | Số 15, ngách 58/26 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 800.000    | 8.000.000.000         | 40,000    | 0080760000<br>35                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 800.000    | 8.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN ĐÌNH TUỆ    | Tổ dân phố 16, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    | 0420860000<br>254                                                                           |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                            |                                    |         |               |        |           |  |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN<br>CÔNG ANH | Thôn Thượng<br>Vực, Xã Thượng<br>Vực, Huyện<br>Chương Mỹ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000 | 5.000.000.000 | 25,000 | 017093595 |  |
|   |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                    |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                    |                                                                                            | Tổng số                            | 500.000 | 5.000.000.000 | 25,000 |           |  |
|   |                    |                                                                                            |                                    |         |               |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN ĐÌNH TUỆ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/01/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *042086000254*

Ngày cấp: *12/06/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *tổ dân phố 16, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *tổ dân phố 16, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*